TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/DS-PT
Ngày: 08-8-2023
V/v: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2023/TLPT-DS ngày 06-6-2023 về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐ-PT ngày 28-6-2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1963.

Nơi thường trú: Xóm 1 - xã Xuân N - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định;

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984;

Nơi thường trú: Xóm 6 - xã Xuân N - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định;

+ Bị đơn: Chị Trần Thị N1, sinh năm 1992;

Nơi thường trú: Xóm 1 - xã Xuân N - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định;

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Trần Trọng B, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 1, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 6, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

3. Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 1, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

4. Chị Nguyễn Thị Hiền L1, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 5, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

5. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 1, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

+ Người làm chứng:

1. Ông Mai Văn H, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 2, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

2. Ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 2, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

3. Anh Trần Văn V, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 1, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

4. Chị Mai Thị T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 1, xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

+ Người kháng cáo: Bị đơn chị Trần Thị N1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Mai Thị N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Quan hệ giữa bà N và vợ chồng chị N1, anh B là quan hệ hàng xóm với nhau, không có anh em họ hàng gì. Năm 1988, vợ chồng bà có mua một thửa đất diện tích 130m^2 của UBND xã Xuân N, đến năm 1996 có xây một căn nhà mái bằng 2 tầng và công trình phụ và một bức tường nối liền với bức tường chính của căn nhà để làm ranh giới giữa hai gia đình. Bức tường đó cao khoảng 2m, rộng khoảng 10cm, dài khoảng 11m. Nay gia đình bà có nhu cầu chuyển nhượng cho người khác nên có yêu cầu đo đạc lại diện tích đất đúng theo diện tích 130m^2 như trên, trong đó có bức tường, nhưng gia đình chị N1, anh B lại nhận bức tường trên là nằm trên đất của anh chị nên không ký giáp ranh để gia đình bà hoàn tất thủ tục

sang tên chuyển nhượng được. Gia đình bà đã làm đơn đến UBND xã Xuân N, các bên đã tiến hành hoà giải nhưng gia định chị N1, anh B không nghe và không hợp tác. Hiện nay, chồng bà đã chết, bà muốn chuyển nhượng nhà đất trên cho người khác sử dụng để về quê hương sinh sống với con cháu, nhưng chị N1, anh B gây khó khăn cho bà trong việc chuyển nhượng. Nay bà đề nghị Toà án xác định ranh giới quyền sử dụng đất là bức tường dài khoảng 11m, cao 2m, rộng khoảng 10cm là của gia đình bà để bà hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cho người khác.

+ Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn chị Trần Thị N1 và người đại diện theo uỷ quyền thống nhất trình bày:

Vào khoảng năm 2016, chị có mua một ngôi nhà 2 tầng trên diện tích đất 187m^2 của Quỹ tín dụng nhân dân Ninh V (sau đây viết tắt là Quỹ) do ông Mai Văn H đứng tên tại thửa 158, tờ bản đồ số 4 tại phố Lạc Quần, xã Xuân N. Khi bán đại diện Quỹ có nói với chị về mô mốc, ranh giới giữa 2 nhà là bức tường của Quỹ. Bức tường dài 15,6m, cao 1,6m có gắn mảnh sành phía trên và được xây nối từ tường nhà bà N trở ra. Bà N có nhờ tường để cách 96cm còn cắm mảnh sành phía trên, từ đó bà nhờ tường bên phía nhà chị xây cao lên 2,3m, dài 9,3m để làm bếp. Đến năm 2022, bà N bán nhà cho vợ chồng anh V có mời địa chính đến đo đạc, khảo sát đất nhà bà N và yêu cầu chị ký giáp ranh nhưng chị không ký vì bà N nhận đó là bức tường của nhà bà. Bà N đã làm đơn ra xã để hoà giải, vẫn xác nhận bức tường đó là của nhà bà, chị không đồng ý với điều đó. Khi hoà giải bà N có trình bày là bức tường đó là của Quỹ xây nhưng mượn đất nhà bà để xây. Việc mượn đó không có giấy tờ và chỉ là lời nói với nhau. Khi chị mua nhà thì ông Hồng giám đốc Quỹ và ông Hiến đứng tên trên sổ đỏ đã bàn giao mốc giới của Quỹ là cả bức tường đó cho chị. Ngày 05/10/2022, chị nhận được đơn khởi kiện của bà N với nội dung: Bức tường đó do bà xây từ năm 1996 dài khoảng 11m, cao 2m. Từ khi mua nhà năm 2016, chị chưa xây sửa phía sau nhà và vẫn còn nguyên trạng bức tường. Chị không lấn chiếm sang nhà bà N, chị sử dụng đúng diện tích được cấp trên sổ đỏ, khi nhà chị làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tên ông Hiến sang tên chị, bà N đã ký giáp ranh và không có ý hiến gì về bức tường, nay bà lại nhận bức tường đó thuộc về nhà bà là không đúng. Việc mua bán thửa đất trên chỉ có chị và Quỹ, hiện nay diện tích 187m^2 cùng ngôi nhà 2 tầng tại thửa 158, tờ bản đồ số 4 là quyền sở hữu và sử dụng của riêng chị, chồng chị là anh Trần Trọng B không liên quan đến thửa đất trên.

Người làm chứng gồm vợ chồng anh Trần Văn V, chị Mai Thị T1 đều thống nhất trình bày: Quan hệ giữa vợ chồng anh chị và bà N, chị N1 chỉ là hàng xóm với nhau chứ không có họ hàng gì. Vợ chồng anh chị có đặt vấn đề mua nhà đất của bà N

với diện tích là 130m^2 trên đất có nhà 2 tầng, xung quanh có tường bao do bà N xây, vợ chồng anh chị đã có hợp đồng mua bán với bà N và đã đặt cọc, khi các bên làm thủ tục sang tên để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị N1 đã gây khó khăn cho vợ chồng anh chị và bà N vì lý do chị N1 cho rằng bức tường xây dựng năm 1996 dài khoảng 11m, cao 2m xây trên đất bà N là của chị N1 nên chị N1 không ký giáp ranh cho bà N để bà N chuyển nhượng cho vợ chồng anh chị. Anh chị đề nghị Toà án thu thập tài liệu, chứng cứ để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng gồm các ông Mai Văn H, ông Phạm Xuân H1 đều thống nhất trình bày: Giữa các ông với bà N, chị N1 không có quan hệ gì. Theo yêu cầu của Toà án, các ông đứng ra làm chứng và trình bày lại đúng sự thật và xin cam đoan về lời khai của mình. Các ông khẳng định bức tường đang tranh chấp hiện nay về phần chiều thẳng là xây trên đất của bà N, chiều dài khoảng 3 đến 4m, xây cao khoảng 1,5m. Sau đó bà N xây trồng lên phía trên, hiện nay khu vực đó tường cao khoảng 2m. *Đến năm 2016*, Quỹ chuyển nhượng lại cho chị N1 với diện tích 187m^2 không bao gồm bức tường. Hiện nay bà N có đơn khởi kiện chị N1, các ông đề nghị Toà án giải quyết để các đương sự ngồi lại với nhau thống nhất giải quyết vụ án được hợp tình hợp lý.

Về nguồn gốc các thửa đất qua các thời kỳ:

+ Theo bản đồ địa chính xã Xuân N lập năm 1992 (chỉnh lý năm 2023):

- Thửa đất hộ bà N đang sử dụng là thửa 138, tờ bản đồ 1, diện tích 130m^2; đứng tên chủ sử dụng đất là Nhu (chồng bà N).

- Thửa đất hộ chị N1 đang sử dụng là thửa đất số 508, tờ bản đồ số 1, diện tích là 167m^2, đều là đất ở; đứng tên chủ sử dụng đất là Hiến.

+ Theo bản đồ địa chính xã Xuân N lập năm 2011:

- Thửa đất hộ bà N đang sử dụng là thửa 172, tờ bản đồ 4, diện tích 218,7m^2; đứng tên chủ sử dụng đất là Nhiên; trong đó 138,6m^2 đất ở và 80,1m^2 đất trồng cây lâu năm.

- Thửa đất hộ chị N1 đang sử dụng là thửa đất số 158, tờ bản đồ số 4, diện tích là 193,3m^2, đều là đất SKC (sản xuất kinh doanh); đứng tên chủ sử dụng đất là Quỹ tín dụng.

Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 29/12/2022 về các thửa đất tranh chấp:

- Thửa đất hộ bà N đang sử dụng ngày 29/10/2007 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07262/2072/QĐ-UBND với diện tích là 130m^2; Hiện đo

đạc trên thực tế thửa đất có diện tích là 201m^2, tăng 71m^2 so với số liệu của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Diện tích tăng so với thời kỳ trước là do hộ bà N lấn chiếm đất công nhưng chưa làm thủ tục hợp pháp hóa.

- Thửa đất hộ chị N1 đang sử dụng ngày 09/02/2021 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS0616với diện tích là 187m^2; Hiện đo đạc trên thực tế thửa đất có diện tích là 192m^2, tăng 5m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtđã cấp.

Từ nội dung vụ án như trên, tại dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 174, 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 95; khoản 5, 7 Điều 166; Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Nđối với chị Trần Thị N1 về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

2. Xác nhận ranh giới giữa thửa đất hộ bà Mai Thị N đang sử dụng tại thửa 138, tờ bản đồ số 01 tại phố Lạc Quần (xóm 1), xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định và thửa đất hộ chị Trần Thị N1 đang sử dụng tại thửa 158, tờ bản đồ số 4 tại phố Lạc Quần (xóm 1), xã Xuân N, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Cụ thể như sau: Xác định ranh giới là bức tường nối liền thẳng với phía tường ngoài nhà bà N kéo một đường thẳng dài 11,50m là của bà N và là ranh giới giữa hai nhà bà N và chị N1.

3. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hộ bà Mai Thị N và hộ chị Trần Thị N1.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất.

Các đương sự có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo ranh giới đã được xác định trong bản án này.

(Độ dài các cạnh thửa đất của hộ bà N và hộ chị N1 được thể hiện trong sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 11/4/2023, bị đơn chị Trần Thị N1 có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX phúc thẩm xét

xử lại vụ án theo hướng xác định bức tường ranh giới giữa 02 nhà là thuộc quyền sử dụng sở hữu của gia đình chị N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, và giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Bị đơn trình bày tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau: Tại phiên hòa giải ở Tòa án Xuân T, bà N khai bức tường giữa hai gia đình là do Quỹ tín dụng xây và mượn đất của gia đình bà xây. Sau đó bà N lại khai bức tường đó do gia đình nhà bà xây dựng trên đất của gia đình nhà bà. Đối với ông Hồng, ông Hiến thì có lời khai cũng không thống nhất, lúc thì khai bức tường do bà N xây phần đầu bức tường xây trên đất của nhà bà N, phần cuối bức tường xây trên đất của quỹ tín dụng; sau đó ông Hồng ông Hiến lại khai tường do bà N xây trên đất của nhà bà N. Tại buổi đo đạc thẩm định của Tòa án Xuân T không có mặt bà Nhung, nên kết quả đo đạc không chính xác. Nhà đất chị N1 đang sử dụng do bố mẹ đẻ đứng ra giao dịch mua của quỹ tín dụng, khi mua quỹ có nói bức tường ranh giới giữa hai nhà là thuộc quyền sở hữu sử dụng của nhà chị N1, tuy nhiên chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không ghi cụ thể trong văn bản hợp đồng chuyển nhượng. Chị Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xác định xem ai là người xây bức tường và xây trên phần đất của gia đình nào?

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập và do chính các đương sự cung cấp, có căn cứ xác định bức tường ranh giới giữa gia đình nhà bà N và gia đình nhà chị N1 là do gia đình bà N xây dựng từ năm 1996 trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà N, khi đó thửa đất liền kề vẫn do Quỹ tín dụng là chủ sử dụng; khi xây bức tường giữa gia đình bà N và Quỹ tín dụng không có tranh chấp về việc xây dựng bức tường ngăn cách; Năm 2016 gia đình chị N1 nhận chuyển nhượng lại thửa đất của Quỹ tín dụng, từ khi gia đình chị N1 về sinh sống thì bức tường ranh giới không có sự thay đổi. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn bà Mai Thị N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xác định ranh giới giữa gia đình nhà bà N và gia đình nhà chị N1 là bức tường dài khoản 11m, cao 2m, rộng khoảng 10 cm, là thuộc quyền sở hữu của gia đình bà N, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" - như cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ pháp lý.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập, quá trình tố tụng, thấy có căn cứ xác định, thửa đất của gia đình bà Mai Thị N và thửa đất của gia đình chị Trần Thị N1 đang sử dụng, đều có nguồn gốc hợp pháp, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07262/2072/QĐ-UBND ngày 29/10/2007 cho gia đình bà Mai Thị N với diện tích là 130m^2; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06167 ngày 09/02/2021 cho gia đình chị Trần Thị N1 với diện tích là 187m^2.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng thì diện tích đất của gia đình bà N đang sử dụng trên thực tế là 201m^2 tăng so với GCNQSDĐ đã được cấp là 71m^2; Diện tích đất của gia đình chị N1 đang sử dụng trên thực tế là 192m^2 tăng so với GCNQSDĐ đã được cấp 05m^2.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, các bên đương sự đều thừa nhận năm 2016 khi gia đình chị N1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Quỹ tín dụng nhân dân Ninh V thì giữa thửa đất của gia đình bà N với Quỹ tín dụng nhân dân Ninh V đã được ngăn cách bằng bức tường nối liền thẳng với phía tường ngoài nhà bà N kéo một đường thẳng dài khoảng 11,50m.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập và quá trình tranh tụng tại Tòa án, xác định nguồn gốc bức tường có chiều dài 11,50m là do gia đình bà N xây dựng từ năm 1996, để làm ranh giới giữa thửa đất của gia đình bà N với thửa đất liền kề

- lúc đó thửa đất liền kề thuộc quyền sử dụng của Quỹ tín dụng nhân dân Ninh V.Việc xây dựng bức tường này được các ông Hiến là người bán nhà đất cho bà Nhung và ông Hồng đại diện cho Quỹ tín dụng nhân dân Ninh V hiện nay đều khẳng định bức tường đang tranh chấp hiện nay về phần chiều thẳng đứng là xây trên đất của bà N. Gia đình bà N xây bức tường đó và đã sử dụng ổn định lâu dài suốt từ năm 1996 cho đến nay. Năm 2016, Quỹ chuyển nhượng lại cho chị N1 với diện tích 187m^2 không bao gồm bức tường. Từ khi gia đình chị N1 chuyển về sinh sống cạnh gia đình bà N cho đến nay thì bức tường ngăn cách giữa hai gia đình không có sự thay đổi, vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, lời khai của những người làm chứng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bức tường nối liền thẳng với nhà bà N dài 11,50m là do gia đình bà N xây dựng, xây trên đất thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình bà N, và là ranh giới xác định giữa gia đình nhà bà N và gia đình nhà chị N1.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, xác định ranh giới là bức tường nối liền thẳng với phía tường ngoài nhà bà N kéo một đường thẳng dài 11,50m là của bà N và là ranh giới giữa hai nhà bà N và chị N1, là có căn cứ pháp lý.

Lý do kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị N1 không có căn cứ pháp lý, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Trần Thị N1 phải nộp án phí phúc thẩm hình sự theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị N1; Giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T - tỉnh Nam Định.

3. Án phí dân sự: Chị Trần Thị N1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị N1 đã

nộp tại biên lai số 0003219 ngày 12-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân T - tỉnh Nam Định. Xác định chị Trần Thị N1 đã nộp đi án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh NĐ
- TAND, VKSNDhuyện Xuân T;
- Chi cục THADS huyện Xuân T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

(đã ký)

Vũ Thị Mai Hương